

Số: 277.../PGDDĐT-CNTT&TK  
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng  
dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê  
giáo dục năm học 2022-2023

Vĩnh Thuận, ngày 20 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: các đơn vị trường học trực thuộc.

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chiến lược chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 2801/SGDDĐT-KT&KĐCLGD ngày 21/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023;

Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện Vĩnh Thuận hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục như sau:

## I. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

### 1. Tiếp tục duy trì, triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và đổi mới phương pháp dạy - học

Tổ chức hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của Trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học ngay cả trong điều kiện học sinh đến lớp bình thường.

Sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa nhà trường, giáo viên với học sinh trong việc hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình.

Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

Tăng cường tổ chức đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến.

Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.



## **2. Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong các trường học, kết nối thông suốt với CSDL ngành**

Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: Sổ điểm điện tử, Học bạ điện tử (khuyến khích áp dụng chứng thư số); hồ sơ quản lý nhà trường điện tử gồm: Sổ chủ nhiệm điện tử; sổ theo dõi sức khỏe điện tử; ...

Sổ liên lạc điện tử và kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT (Skype, Zalo, ...), email, ứng dụng trên thiết bị di động và Trang tin điện tử của trường.

## **3. Tiếp tục cập nhật CSDL về giáo dục cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, chính xác và kịp thời**

Tiếp tục cập nhật đầy đủ, chính xác CSDL trên hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn) nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục; các Trường tập trung hoàn thiện cập nhật mã số định danh của học sinh và kết quả học tập của học sinh trên CSDL ngành Giáo dục theo từng kỳ học, đặc biệt thông tin của học sinh các lớp đầu cấp và cuối cấp.

Báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác theo quy định của Phòng, Sở GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các cấp quản lý giáo dục.

## **4. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt**

Đẩy mạnh hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt.

## **II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN**

### **1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Các Trường phân công hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách và 01 viên chức CNTT (hoặc giáo viên Tin học) làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

Triển khai tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên.

Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong Trường học, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng eLearning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong Trường học; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

## **2. Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025**

Các Trường xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025: Xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học; tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

### **3. Tăng cường công tác thể chế**

Các Trường chủ trì quản lý hệ thống thông tin và CSDL giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần trên CDSL ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

### **4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục**

Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tổ chức dạy môn Tin học, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học; từng bước hình thành phòng thiết kế học liệu số và dạy học trực tuyến.

- Trang bị đủ thiết bị CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành: mỗi trường trang bị ít nhất 02 bộ máy tính, 01 máy in và 01 webcam. Mỗi tổ bộ môn trong trường có máy tính dùng riêng.

- Trang bị thiết bị CNTT phục vụ dạy-học: Đảm bảo đủ máy tính phục vụ dạy – học môn Tin học (tiểu học đạt tỷ lệ 24 học sinh/1 máy tính, trung học cơ sở đạt tỷ lệ 16 học sinh/1 máy tính). Các phòng máy tính phục vụ dạy học phải được nối mạng Internet.

Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đây mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên.

### **5. Công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

### 6. Công tác kiểm tra, giám sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, công tác thống kê trong giáo dục; tổ chức đánh giá chuyển đổi số.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở những nội dung của hướng dẫn này, Hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện:

1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 và triển khai đến viên chức, người lao động trong đơn vị. Phân công nhân sự làm đầu mối theo dõi thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

2. Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục sau khi kết thúc học kỳ 1 và gửi về Phòng GDĐT (qua bộ phận CNTT-TK) trước ngày 10/01/2023.

3. Tổ chức đánh giá, tổng kết thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2022-2023; lập báo cáo đánh giá, tự chấm điểm tiêu chí thi đua năm học và gửi về Phòng GDĐT (qua bộ phận CNTT-TK) trước ngày 25/5/2023.

4. Phòng GDĐT gửi kèm theo Phụ lục danh sách các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GDĐT, Sở GDĐT liên quan đến triển khai ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục để các Trường nghiên cứu và quán triệt thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Phòng GDĐT (qua bộ phận CNTT-TK) để hỗ trợ, tư vấn triển khai: điện thoại chuyên viên phụ trách ông Võ Thanh Liêm 0919138848, email: vtliem@vinhthuan.edu.vn./.

#### Nơi nhận:

- Phòng KT&KĐCLGD Sở GD&ĐT Kiên Giang;
- Lãnh đạo, chuyên viên Phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Ngô Thị Ngọc Hạnh*

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VĨNH THUẬN**

**PHỤ LỤC  
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI  
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC  
NĂM HỌC 2022-2023**

*(kèm theo công văn số: 277 /PGDDĐT-CNTT ngày 20/10/2022)*

1. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;
2. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;
9. Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng;
10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;
11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;



12. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

13a. Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

14. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

14a. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

16. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục;

17. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

18. Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về kết nối và dữ liệu phục vụ trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông;

19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông.

20. Văn bản số 4267/BGDĐT-CNTT ngày 31/8/2022 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2022-2023;

21. Văn bản số 12/SGDĐT-CNTT ngày 15/6/2011 của Sở GDĐT Kiên Giang về việc tổ chức quản lý thiết bị văn phòng, máy tính;

22. Văn bản số 2801/SGDĐT-KT&QLCLGD ngày 21/9/2022 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2021-2022;

23. Văn bản số 2069/KH-SGDĐT ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Sở GDĐT Kiên Giang về Kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang.

Văn bản về chuyên đổi số trong tệp riêng.

